BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Số: 1068 /TB-ĐHNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO
V/v hủy và xử lý các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên theo quy định, học kỳ 1, năm học 2026-2027 (Đợt 2)

Căn cứ Quyết định số 1052/QĐ-ĐHNT ngày 17/7/2025 của Hiệu trưởng về viêc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông báo số 709/TB-ĐHNT, ngày 17/6/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc triển khai kế hoạch giảng dạy học kỳ I, năm học 2026-2027.

Căn cứ tình hình thực tế sinh viên xác nhận đăng ký học phần theo Thông báo số 974/TB-ĐHNT, ngày 19/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc xác nhận đăng ký học phần học kỳ I, năm học 2026-2027.

1. Hủy **08** lớp học phần do không đủ số lượng sinh viên theo quy định, cụ thể trong bảng sau:

Stt	Lớp HP	Mã HP	Tên học phần	TC	Mã GV	Sĩ số
1	66.CTGT -	DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2011012	1
2	66.KTCK-CT	MET306	T.Hành CNC	1	2010015	1
3	66.NNA-1 -	FLS3013	Đọc 5	2	1997008	1
4	TIENGNHATB	FLS3059	Tiếng Nhật (B1.2)	4	2024014	2
5	TIENG PHAP	FLS3054	Tiếng Pháp (B1.2)	4	2004029	4
6	66.DDT-3 -	INE322	Tính toán sửa chữa máy điện	2	2015023	7
7	HOCLAI	ELA245	Điện tử công suất	3	2018001	15
8	TAB1.120	FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	2002017	22

2. Danh sách **50** lớp học phần không đủ số lượng sinh viên theo quy định, được giữ lại theo đề nghị của các đơn vị do đặc thù của ngành, cụ thể trong bảng sau:

Stt	Lớp HP	Mã HP	Tên học phần	TC	Mã GV	Sĩ số
1	67.CNXD-1	EPM320	Con người và môi trường	2	2005006	28
2	66.CNXD-2	CIE365	Máy xây dựng	2	2004036	21
3	66.KTCK-3	MEC345	Máy công nghiệp	2	1999004	27
4	67.CDT - 6	MAT329	Toán 3	3	2008029	23
5	65.CKDL -	MPE6200	Điều hòa không khí và thông gió	2	2001019	14
6	65.CKDL -	MAE398	Nhiên liệu và môi chất chuyên dụng	2	2005003	14

7	66.KTCK-1	MAE331	Kỹ thuật thủy khí	2	2012014	23
8	67.KTB - 6	MEN6201	Lý thuyết công trình biển	5	2005014	16
9	65.CTM - 6	MET316	Thiết kế đảm bảo chế tạo	2	2002019	19
10	TIẾNG NHẬT	FLS3058	Tiếng Nhật (B1.1)	4	2024014	19
11	65.CTGT -	CIE373	Tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng	2	2015034	21
12	67.CNNL -	THE6204	Kỹ thuật máy dòng chảy	3	1985011	23
13	67.CNNL -	INE376	Trang bị điện – điện tử trong máy công nghiệp (LT)	3	2008003	23
14	67.CNXD-2	BIO321	Sinh học đại cương B (LT)	2	2007034	24
15	65.NNA-SNA	TRI306	Đọc- Viết Tiếng Trung 2	2	2007052	26
16	65.NNA-SNA	TRI305	Nghe - Nói Tiếng Trung 2	2	2007001	26
17	67.CDL - 6	MEC6218	Truyền nhiệt và thiết bị trao đổi nhiệt	3	2006018	26
18	67.CDL - 6	MEC6217	Trang bị điện công nghiệp (LT+TH)	3	2008003	26
19	65.KTCK-CT	MAE6209	CAE	2	1998010	27
20	65.TDH - 6	ELA304	IoT (Internet of Things)	2	2025016	27
21	67.CDL - 6	REE330	Máy dòng chảy	3	1985011	27
22	65.CNOT-3	AUE6211	Kỹ thuật điều khiển máy điện ô tô	2	2024006	28
23	65.NNA-SNA	FLS3507	Tiếng Anh thương mại	2	2015015	28
24	66.CKDL	MAE3208	Vẽ kỹ thuật máy động lực (1LT, 2TH)	3	2008023	28
25	66.NNA-2	FLS3007	Hình thái học	2	1997005	28
26	66.QLXD -	COM6203	Đồ án môn học định mức kinh tế và kỹ thuật trong xây dựng	1	2025002	28
27	67.CDT - 6	MEM327	Vẽ kỹ thuật cơ khí (2LT+1TH)	3	2010001	28
28	67.NNA-3	FLS383	Nói 3	2	1998014	28
29	TAB1.118	FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	2014018	28
30	65.NNA-SNA	TRI307	Tiếng Trung Du lịch 1	2	2011011	29
31	65.QTKD-2	TRE354	Quản trị chuỗi cung ứng	2	2008006	31
32	65.KT-3	ACC394	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	2004020	47
33	65.KT-1	AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	2006015	39
34	65.QTKS-2	TOM395	Khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh trong du lịch	3	1001456	47
35	65.KTPT-2	ECS378	Thẩm định dự án đầu tư công	4	2009014	37
36	65.KTPT-1	BUA353	Phân tích hành vi tổ chức	3	2006003	41
37	66.KTPT-2	ECS302	Kinh tế vi mô 2	3	2010012	40

38	66.KTE-1	ECS347	Kinh tế công cộng	3	2001009	45
39	65.TCNH-2	FIB360	Lập và thẩm định dự án đầu tư	3	2005008	49
40	66.KDTM-2	COB6200	Phương pháp nghiên cứu khoa học (KD Thương mại)	2	2003008	42
41	66.TCNH-2	SSH353	Luật Ngân hàng	2	2011013	47
42	67.MARKT-2	MKT373	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Marketing)	2	2022007	47
43	66.KT-3	AUD372	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2008014	46
44	66.MARKT-2	TRE352	Kinh doanh xuất - nhập khẩu	3	2019022	46
45	65.KTPT-2	ECS370	Kinh tế phát triển 2	3	2000011	40
46	65.QTKD-2	BUA6205	Hành vi tổ chức	2	2006003	48
47	65.KT-2	AUD383	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	2	2013003	40
48	65.KT-3	ACC399	Lập và phân tích báo cáo tài chính theo IFRS	2	2002026	34
49	65.KT-1	ACC397	Kế toán mô phỏng	2	2003030	42
50	65.TCNH-3	FIB381	Công cụ tài chính phái sinh	2	1998001	34

Đề nghị các Trường chuyên ngành và Khoa thuộc Trường thông báo tới giảng viên, cố vấn học tập và sinh viên biết để triển khai thực hiện.

Nơi nhận:
- Các đơn vị liên quan;
- CVHT, SV;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Khổng Trung Thắng